

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS - ST
Ngày 14-5-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ, ông Dương Mạnh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Nhà văn hóa khu dân cư Thái Học I, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLST- DS ngày 27/12/2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 01/4/2019 và Q định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 19/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh H.

Người được bà Vũ Thị N ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức P – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch S Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh H, có mặt.

Bị đơn: Ông **Phạm Đức Q**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày như sau:

Ngày 14/9/2016, ông Phạm Đức Q và Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số LD1625800050 với các điều khoản cụ thể như sau: Ông Q vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng với mục đích để

tiêu dùng. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất 1,0%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi: Tiền gốc và lãi được chia đều thành 48 kỳ trả nợ, mỗi kỳ là 01 tháng, kỳ trả nợ đầu vào ngày 15/10/2016, các kỳ kế tiếp vào ngày 15 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 14/9/2020. Hình thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán trả Ngân hàng 11.668.000 đồng tiền nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi đến hết tháng 8/2017, từ đó cho đến nay ông Q không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi theo như cam kết trong hợp đồng. Hiện nay khoản vay của ông Q đã quá hạn theo quy định. Ngân hàng cũng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Q không trả nợ. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 63.340.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (14/5/2019) là 19.396.503 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 17.600.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 1.796.503 đồng. Ông Q phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 15/5/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Tại các bản tự khai ông Phạm Đức Q trình bày: Ông xác định việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông và Ngân hàng, số tiền đã trả cũng như số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến thời điểm khởi kiện như người đại diện của Ngân hàng đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế hiện nay của ông khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng giảm cho ông tiền lãi và cho ông được trả nợ dần thành nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát tham phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Phạm Đức Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Buộc ông Phạm Đức Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Phạm Đức Q là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại thôn L, xã B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Đức Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử

căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 14/9/2016, ông Phạm Đức Q và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số LD1625800050 với các điều khoản cụ thể như sau: Ông Q vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng với mục đích để tiêu dùng. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất 1,0%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi: Tiền gốc và lãi được chia đều thành 48 kỳ trả nợ, mỗi kỳ là 01 tháng, kỳ trả nợ đầu vào ngày 15/10/2016, các kỳ kế tiếp vào ngày 15 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 14/9/2020. Hình thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Xét việc giao kết hợp đồng nêu trên giữa hai bên đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông Q. Ông Q đã thanh toán trả Ngân hàng 11.668.000 đồng tiền nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi đến hết tháng 8/2017. Từ đó cho đến nay ông Q không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng. Việc chậm thanh toán của ông Q đã vi phạm phương thức trả nợ được quy định tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ số LD1625800050 ngày 14/9/2016. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 63.340.000 đồng và 19.396.503 đồng tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Đối với số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.396.503 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Phạm Đức Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 82.736.503 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 63.340.000 đồng; tiền lãi tính đến hết ngày

14/5/2019 là 19.396.503 đồng (lãi trong hạn là 17.600.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.796.503 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phạm Đức Q còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1625800050 ngày 14/9/2016 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Đối với số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.396.503 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Đức Q không trả thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Phạm Đức Q phải nộp 4.136.825 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.941.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001145 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm